

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 357/TTr-STC ngày 20 tháng 9 năm 2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1577/BC-STP ngày 20 tháng 9 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2024 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định: số 01/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 15/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 của Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5, VP7, VP8, VP10, VP6.

*Phước*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Hà Lan Anh*

**Hà Lan Anh**

## QUY ĐỊNH

**Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá,  
thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định**  
(Kèm theo Quyết định số: 47/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối với một số hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Giá năm 2023 thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan, không thực hiện theo Quy định này.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

##### Điều 3. Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

1. Sở Tài chính tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực theo nhiệm vụ được giao tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật khác có liên quan.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Mục 1**

### **HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá**

1. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các biện pháp bình ổn giá và hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cân bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc quản lý của nhiều sở, ngành thì giao Sở Tài chính chủ trì.

#### 2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai các biện pháp bình ổn giá phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nội dung hướng dẫn của các Bộ, ngành; báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

## **Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá**

1. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, gửi Sở Tài chính có ý kiến thống nhất bằng văn bản; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện việc thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

5. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

## **Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương

a) Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm: Dịch vụ lưu trú; Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi; Vật liệu xây dựng chủ yếu khác gồm gạch tuynel, gạch bê tông, gạch lát nền Ganite, cát đen san lấp; Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;

b) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP thì sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương;

Trường hợp đề nghị bổ sung hàng hóa, dịch vụ vào danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương thì tại văn bản nêu rõ tên hàng hóa, dịch vụ, dự kiến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) và cơ quan tiếp nhận kê khai giá của hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương thì tại văn bản nêu rõ biện pháp quản lý giá thay thế đối với hàng hóa, dịch vụ đó.

## 2. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

## 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh (được giao tiếp nhận kê khai giá) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

## 4. Đối tượng thực hiện kê khai giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

## **Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá**

1. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá năm 2023. Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quy định này.

2. Sở Tài chính chủ trì thực hiện nhiệm vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 8. Thẩm định giá của nhà nước**

1. Phương thức thẩm định giá của nhà nước được áp dụng đối với quyết định, phê duyệt giá khi bán, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Sở Tài chính quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá, thành phần hội đồng gồm lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch hội đồng, đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh) làm Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên là đại diện phòng chuyên môn của Sở Tài chính, cơ quan thực hiện mua sắm và lãnh đạo các cơ quan khác có liên quan đến tính chất, nội dung mua sắm của gói thầu (Sở Tài chính xác định thành viên có liên quan theo tính chất, nội dung của gói thầu) và đề xuất của cơ quan có liên quan;

b) Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ giúp việc cho hội đồng (nếu thấy cần thiết). Hội đồng thẩm định giá nhà nước và Tổ giúp việc hoạt động theo vụ việc phát sinh và tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ;

c) Sở Tài chính có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá tại khoản 1 Điều này.

2. Đối với việc quyết định, phê duyệt giá khi thanh lý, chuyển giao tài sản công và các hình thức khác theo quy định thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giao Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn phương thức thẩm định giá. Trong trường hợp lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với việc quyết định, phê duyệt giá khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền được lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước theo quy định tại Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **Mục 2**

### **TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG**

**Điều 9. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường**

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

a) Sở Tài chính;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 9, Điều 10 Quy định này;

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá năm 2023; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

### **Điều 10. Báo cáo giá thị trường định kỳ**

1. Giao Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của tỉnh gửi Bộ Tài chính (qua Cục Quản lý Giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC, trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

#### **a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

#### **b) Sở Xây dựng**

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

#### **c) Sở Công Thương**

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

#### **d) Sở Y tế**

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.



đ) Sở Giao thông vận tải

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

g) Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

h) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo đề nghị của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

i) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện, thành phố quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

**Điều 11. Báo cáo giá thị trường đột xuất**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của tỉnh và gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

### **Mục 3**

## **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ**

### **Điều 12. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

### **Điều 13. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

### **Điều 14. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá**

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Giám đốc Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền;

g) Sở Tài chính có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trực tiếp qua hệ thống tài khoản vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Các sở, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công tại khoản 2 Điều 10 Quy định này;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh chủ trì tham mưu; đồng thời gửi hồ sơ về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi (tối đa sau 07 ngày kể từ khi quyết định về giá hàng hoá, dịch vụ có hiệu lực);

c) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Thủ trưởng các sở, cơ quan cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc các sở, cơ quan cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; đồng thời gửi hồ sơ thẩm định giá, báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi;

- Thời hạn gửi Hồ sơ thẩm định giá: Tối đa sau 07 ngày kể từ khi có Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng.

- Thời hạn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá: Ngày 02 của tháng đầu tiên hàng quý.

đ) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, cơ quan chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công tại khoản 2 Điều 10 Quy định này;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập; đồng thời gửi hồ sơ thẩm định giá, báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi;

- Thời hạn gửi Hồ sơ thẩm định giá: Tối đa sau 07 ngày kể từ khi có Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng.

- Thời hạn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá: Ngày 02 của tháng đầu tiên hàng quý.

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

#### **Mục 4**

### **KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC**

**Điều 15. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước**

#### **1. Sở Tài chính**

a) Kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Nam Định theo quy định của Luật Giá và pháp luật khác có liên quan.

#### **2. Các sở, cơ quan cấp tỉnh**

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đồng thời gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Tài chính để tổng hợp.

#### **3. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đồng thời gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Tài chính để tổng hợp.

**Điều 16. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước**

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Quy định này: Giao các sở, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhà nước.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Những nội dung liên quan khác quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

##### **Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

2. Các sở, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

## Phụ lục I

### PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Kèm theo Quyết định số: 47/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
<b>I</b>	<b>Định giá khung</b>	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>II</b>	<b>Định giá tối đa</b>	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
<b>III</b>	<b>Định giá cụ thể</b>	
<b>III.1</b>	<b>Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ</b>	
1	Nước sạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với nước sạch nông thôn chủ trì; Sở Tài chính phối hợp</li> <li>- Sở Xây dựng đối với nước sạch đô thị chủ trì; Sở Tài chính phối hợp</li> <li>- Trường hợp công trình vừa cấp nước đô thị, khu công nghiệp, vừa cấp nước nông thôn thì sản lượng cấp nước cho khu vực nào lớn hơn thì Sở chuyên ngành tương ứng chủ trì, phối hợp với sở chuyên ngành còn lại thẩm định phương án giá</li> </ul>
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
<b>III.2</b>	<b>Định giá cụ thể</b>	
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định giá theo đề nghị của tổ chức, đơn vị
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương



## Phụ lục II

### PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quyết định số: 47/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật (chi tiết theo danh mục) của hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>A</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước</b>	
<b>I</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá</b>	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
<b>II</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định giá cụ thể bán cho người tiêu dùng</b>	
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	<b>Cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật (chi tiết theo danh mục) của hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh</b>
3	Giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
5	Giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
6	Giá dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
7	Giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
<b>III</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành</b>	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật (chi tiết theo danh mục) của hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
	cầm và thủy sản	
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
14	Trang thiết bị y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
<b>B</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương</b>	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
4	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác gồm Gạch tuynel, gạch bê tông, gạch lát nền Ganite, Cát đen san lấp	Sở Xây dựng
5	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn